

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/5/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/5/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Văn bản số 2684/BGDĐT-GDĐH về việc đính chính Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 05/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 361/NQ-HĐTĐHTTr ngày 29/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết số 613/NQ-HĐTĐHTTr ngày 18/8/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết số 719/NQ-HĐTĐHTTr ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết số 851/NQ-ĐHTTr-HĐT ngày 19/8/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Quyết định số 761/QĐ-ĐHTTr ngày 04/10/2023 của Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Quyết định số 997/QĐ-ĐHTTr ngày 20/9/2024 của Hiệu trưởng

Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào; Quyết định số 876/QĐ-ĐHTTTr ngày 25/8/2025 của Trường Đại học Tân Trào về sửa đổi, bổ sung Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Quyết định số 1078/QĐ-ĐHTTTr ngày 10/10/2024 của Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ kết quả phiên họp ngày 23/7/2026 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Tân Trào;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng cho 149 sinh viên trình độ cao đẳng, đại học, cụ thể như sau:

+ Trình độ cao đẳng, hệ vừa làm vừa học, khóa tuyển sinh năm 2024: 06 sinh viên.

+ Trình độ cao đẳng, hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2023: 04 sinh viên.

+ Trình độ đại học, hệ vừa làm vừa học, khóa tuyển sinh năm 2021: 01 sinh viên.

+ Trình độ đại học, hệ vừa làm vừa học, khóa tuyển sinh năm 2022: 01 sinh viên.

+ Trình độ đại học, hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2015: 01 sinh viên.

+ Trình độ đại học, hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2021: 03 sinh viên.

+ Trình độ đại học, hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2022: 133 sinh viên

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) trưởng các đơn vị có liên quan trong Nhà trường và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường;
- Như điều 2 (t/h);
- Phòng Đào tạo (đăng website) ;
- Lưu VT, QLCL&TT(Phương).

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Minh Anh Tuấn

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2026
Trình độ cao đẳng, hệ vừa làm vừa học, khóa tuyển sinh năm 2024-TQU
(Kèm theo Quyết định số 907/QĐ-ĐHTTr, ngày 23/7/2026
của Trường Đại học Tân Trào)

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
1	2432010003	Vũ Thị Dung	07/04/1993	Nữ	3.43	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
2	2432010070	Nguyễn Thị Duyên	05/01/1993	Nữ	3.45	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
3	2432010146	Đổng Thị Trang	27/11/1984	Nữ	3.10	Khá	Giáo dục Mầm non	
4	2432010174	Nguyễn Thị Đan	06/02/1992	Nữ	3.23	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
5	2432010180	Hoàng Thị Hồng	01/11/1990	Nữ	3.34	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
6	2432010184	Tạ Thị Thùy Linh	01/06/1997	Nữ	3.31	Giỏi	Giáo dục Mầm non	

(Ấn định danh sách này là 06 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2026
Trình độ cao đẳng, hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2023
(Kèm theo Quyết định số 907/QĐ-ĐHTTr, ngày 23/7/2026
của Trường Đại học Tân Trào)

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
1	2312010012	Hoàng Kiều Ly	25/09/2004	Nữ	2.42	Trung Bình	Giáo dục Mầm non	
2	2312010014	Hoàng Hà My	25/10/2004	Nữ	2.63	Khá	Giáo dục Mầm non	
3	2312010017	Sùng Ly Phương	06/03/2005	Nữ	2.44	Trung Bình	Giáo dục Mầm non	
4	2312010026	Lý Ch�y De	20/04/2005	Nữ	2.59	Khá	Giáo dục Mầm non	

(Ấn định danh sách này là 04 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2026
Trình độ đại học, hệ vừa làm vừa học, khóa tuyển sinh năm 2021-TQU
(Kèm theo Quyết định số 907/QĐ-DHTTr, ngày 23/7/2026
của Trường Đại học Tân Trào)

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
1	2163010011	Đào Thu Yến	01/06/2001	Nữ	2.78	Khá	Kế toán	

(Ấn định danh sách này là 01 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2026
Trình độ đại học, hệ vừa làm vừa học, khóa tuyển sinh năm 2022-TQU
(Kèm theo Quyết định số 907/QĐ-ĐHTTr, ngày 23/7/2026
của Trường Đại học Tân Trào)

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
1	2261030001	Hoàng Ngọc Thi	02/11/1983	Nữ	3.35	Giỏi	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	

(Ấn định danh sách này là 01 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2026
Trình độ đại học, hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2015
(Kèm theo Quyết định số 907/QĐ-ĐHTTr, ngày 23/7/2026
của Trường Đại học Tân Trào)

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
1	1552170030	Vũ Tuấn Linh	14/10/1996	Nam	2.56	Khá	Văn học	

(Ấn định danh sách này là 01 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2026

Trình độ đại học, hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2021

*(Kèm theo Quyết định số 907/QĐ-ĐHTTr, ngày 23/7/2026
của Trường Đại học Tân Trào)*

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
1	2152090003	Nguyễn Thúy Anh	19/08/2003	Nữ	2.51	Khá	Sư phạm Toán học	
2	2152090019	Nguyễn Hoàng Hiệp	01/07/2003	Nam	2.02	Trung Bình	Sư phạm Toán học	
3	2154800050	Ngô Minh Trí	30/05/2003	Nam	2.00	Trung Bình	Công nghệ thông tin	

(Ấn định danh sách này là 03 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2026
Trình độ đại học, hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2022
(Kèm theo Quyết định số 907/QĐ-ĐHTTr, ngày 23/7/2026
của Trường Đại học Tân Trào)

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
1	2257310003	Lường Văn Văn	14/10/2004	Nam	3.37	Giỏi	Chính trị học	
2	2251010002	Nguyễn Trọng Ngọc Bảo	27/12/2003	Nam	2.55	Khá	Công tác xã hội	
3	2251010004	Sùng A Giả	18/07/2004	Nam	2.75	Khá	Công tác xã hội	
4	2251010005	Đỗ Mạnh Hà	09/08/2004	Nam	2.60	Khá	Công tác xã hội	
5	2251010006	Nguyễn Thu Hằng	02/01/2003	Nữ	2.83	Khá	Công tác xã hội	
6	2251010009	Lê Văn Tài	26/02/2004	Nam	2.76	Khá	Công tác xã hội	
7	2252010001	Trương Lê Quỳnh Chang	02/02/2004	Nữ	2.82	Khá	Giáo dục Mầm non	Lớp A
8	2252010035	Cáp Thanh Chúc	12/04/2004	Nữ	2.91	Khá	Giáo dục Mầm non	Lớp A
9	2252010005	Hoàng Thị Hương Dịu	21/05/2004	Nữ	2.69	Khá	Giáo dục Mầm non	Lớp A
10	2252010008	Lê Thị Mỹ Duyên	21/07/2000	Nữ	3.28	Giỏi	Giáo dục Mầm non	Lớp A
11	2252010014	Phạm Mai Huê	17/12/2004	Nữ	3.00	Khá	Giáo dục Mầm non	Lớp A
12	2252010022	Tạ Thị Mai Phương	04/06/2004	Nữ	2.91	Khá	Giáo dục Mầm non	Lớp A
13	2252010031	Lò Xé Xó	20/04/2004	Nữ	2.99	Khá	Giáo dục Mầm non	Lớp A
14	2252010066	Lương Ngọc Hoa	30/05/2004	Nữ	3.23	Giỏi	Giáo dục Mầm non	Lớp B
15	2252010075	Lường Thị Lan	12/05/2004	Nữ	2.77	Khá	Giáo dục Mầm non	Lớp B
16	2252010081	Đinh Thị Thanh Mai	22/12/2004	Nữ	2.77	Khá	Giáo dục Mầm non	Lớp B
17	2252010084	Nguyễn Thị Kim Nga	12/09/2004	Nữ	2.52	Khá	Giáo dục Mầm non	Lớp B
18	2252010088	Đinh Thị Thùy Nhung	01/10/2004	Nữ	3.21	Giỏi	Giáo dục Mầm non	Lớp B
19	2252010095	Bùi Trúc Quỳnh	03/12/2004	Nữ	2.66	Khá	Giáo dục Mầm non	Lớp B
20	2252010097	Nguyễn Thị Thanh Thảo	12/10/2004	Nữ	2.52	Khá	Giáo dục Mầm non	Lớp B
21	2252010098	Trần Thị Thảo	09/10/2003	Nữ	2.62	Khá	Giáo dục Mầm non	Lớp B
22	2252010106	Sùng Ly Xó	20/03/2004	Nữ	2.75	Khá	Giáo dục Mầm non	Lớp B
23	2252020002	Ma Thị Tú Anh	04/01/2004	Nữ	2.78	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp A
24	2252020023	Nguyễn Hải Lê	20/01/2004	Nữ	2.95	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp A
25	2252020037	Nông Hồng Thái	09/09/1990	Nam	2.87	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp A
26	2252020038	Đỗ Tất Thành	17/04/2004	Nam	3.05	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp A
27	2252020044	Ma Thị Hải Yến	13/09/2004	Nữ	2.60	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp A

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
28	2252020061	Bùi Ngọc Anh	22/09/2004	Nữ	3.25	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	Lớp B
29	2252020062	Bế Thị Tam Bảo	17/05/2004	Nữ	2.92	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp B
30	2252020064	Lường Văn Dân	03/04/1997	Nam	2.55	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp B
31	2252020065	Đinh Thị Hoàng Diệu	11/10/2004	Nữ	2.80	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp B
32	2252020069	Quàng Ngọc Hà	20/09/2004	Nam	2.58	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp B
33	2252020070	Lò Duy Hải	21/06/2004	Nam	2.53	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp B
34	2252020073	Lương Thị Huyền	02/03/2004	Nữ	2.97	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp B
35	2252020109	Đỗ Văn Khải	17/04/2004	Nam	2.94	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp B
36	2252020075	Vừ A Ký	10/02/2003	Nam	2.53	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp B
37	2252020096	Lương Việt Thắng	12/08/2004	Nam	2.73	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp B
38	2252020097	Đinh Thị Quỳnh Thơ	17/10/2004	Nữ	2.78	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp B
39	2252020136	Ma Tuấn Hùng	14/10/2004	Nam	2.53	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp C
40	2252020141	Nguyễn Thắng Lợi	06/06/2004	Nam	2.73	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp C
41	2252020150	Nguyễn Hà Nhi	02/07/2004	Nữ	3.39	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	Lớp C
42	2252020160	Lê Thao Thúy	05/05/2004	Nữ	3.59	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	Lớp C
43	2252020161	Nguyễn Thu Thủy	11/05/2004	Nữ	2.82	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp C
44	2252020167	Hoàng Hải Yến	08/08/2004	Nữ	2.87	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp C
45	2252020308	Nguyễn Thị Thu Chang	19/12/2003	Nữ	2.89	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp D
46	2252020188	Nguyễn Thị Hương Giang	21/09/2004	Nữ	2.63	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp D
47	2252020193	Lý Phúc Hoài	14/07/2004	Nam	2.52	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp D
48	2252020194	Nông Thị Hoài	13/07/2004	Nữ	2.69	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp D
49	2252020207	Hoàng Bảo Ngọc	06/11/2004 15:53	Nam	2.53	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp D
50	2252020209	Nguyễn Thị Mai Phương	25/09/2004	Nữ	3.03	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp D
51	2252020216	Nguyễn Thị Thu	31/08/2004	Nữ	2.96	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp D
52	2252020220	Hoàng Đức Trung	20/09/2004	Nam	2.65	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp D
53	2252020242	Châu Phương Bắc	30/06/2004	Nữ	2.64	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp E
54	2252020245	Hoàng Anh Đào	28/04/2004	Nam	2.57	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp E
55	2252020250	Hùng Thúy Hằng	11/08/2004	Nữ	2.62	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp E
56	2252020289	La Thị Hứa	16/05/2004	Nữ	2.97	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp E

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
57	2252020259	Bế Thùy Linh	05/10/2004	Nữ	2.81	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp E
58	2252020269	Nguyễn Lưu Nguyên	30/06/2004	Nam	2.67	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp E
59	2252020275	Thần Thị Kim Oanh	14/08/2004	Nữ	2.90	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp E
60	2252020285	Nông Hồng Uyên	14/05/2004	Nữ	2.59	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp E
61	2252020319	Nguyễn Thị Hiền	27/09/2004	Nữ	3.27	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	Lớp F
62	2252020324	Triệu Thị Lê	02/08/2004	Nữ	2.74	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp F
63	2252020325	Đinh Diệu Linh	03/07/2004	Nữ	3.00	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp F
64	2252020327	Nguyễn Thùy Linh	07/12/2003	Nữ	2.76	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp F
65	2252020329	Hoàng Khánh Ly	25/04/2004	Nữ	2.92	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp F
66	2252020333	Đặng Thị Bích Nhật	08/10/2004	Nữ	2.75	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp F
67	2252020337	Bàn Thị Phương	12/05/2004	Nữ	2.61	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp F
68	2252020340	Phùng Thị Siên	18/08/2004	Nữ	2.83	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp F
69	2252020344	Nguyễn Linh Trang	11/07/2004	Nữ	2.72	Khá	Giáo dục Tiểu học	Lớp F
70	2254800030	Ma Công Bình	05/12/2001	Nam	2.40	Trung Bình	Công nghệ thông tin	
71	2254800002	Nguyễn Tiến Dũng	28/03/2004	Nam	2.80	Khá	Công nghệ thông tin	
72	2254800007	Thùng Việt Hoàn	04/08/2004	Nam	2.59	Khá	Công nghệ thông tin	
73	2254800041	Ma Đức Huynh	02/03/2003	Nam	2.62	Khá	Công nghệ thông tin	
74	2254800012	Nông Vĩnh Khải	31/03/2004	Nam	2.12	Trung Bình	Công nghệ thông tin	
75	2254800013	Lưu Thế Kiên	21/10/2004	Nam	2.70	Khá	Công nghệ thông tin	
76	2254800014	Phạm Thành Long	24/09/2004	Nam	2.60	Khá	Công nghệ thông tin	
77	2254800026	Nguyễn Anh Tuấn	03/02/2003	Nam	2.52	Khá	Công nghệ thông tin	
78	2252170041	Nguyễn Thị Bích Ngọc	04/07/2003	Nữ	3.00	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
79	2252170028	Ma Văn Thành	03/04/2004	Nam	3.36	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
80	2252170032	Nông Thanh Thảo	18/10/2004	Nữ	3.14	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
81	2252170042	Vũ Hải Yến	01/08/2004	Nữ	2.66	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
82	2252090004	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	11/08/2004	Nữ	2.51	Khá	Sư phạm Toán học	
83	2252090056	Tạ Thị Bình	21/09/2004	Nữ	2.80	Khá	Sư phạm Toán học	
84	2252090034	Phạm Tài Đức	27/01/2002	Nam	2.98	Khá	Sư phạm Toán học	
85	2252090041	Nguyễn Thị Mai Hương	09/12/2004	Nữ	3.20	Giỏi	Sư phạm Toán học	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
86	2252090017	Trần Hải Nam	25/02/2004	Nam	3.22	Giỏi	Sư phạm Toán học	
87	2252090047	Phạm Văn Sơn	24/12/2004	Nam	2.52	Khá	Sư phạm Toán học	
88	2252090054	Phạm Anh Tú	08/05/2004	Nam	2.91	Khá	Sư phạm Toán học	
89	2252090028	Nguyễn Lê Bảo Yến	21/07/2004	Nữ	3.25	Giỏi	Sư phạm Toán học	
90	2253010002	Trần Ngọc Anh	15/11/2004	Nữ	3.06	Khá	Kế toán	
91	2253010003	Tiêu Quỳnh Chi	26/03/2004	Nữ	2.68	Khá	Kế toán	
92	2253010024	Phạm Thị Mỹ Duyên	07/09/2003	Nữ	2.73	Khá	Kế toán	
93	2253010028	Trần Thị Mỹ Hạnh	04/04/2004	Nữ	3.17	Khá	Kế toán	
94	2253010006	Nguyễn Lâm Hiệp	24/08/2003	Nam	2.43	Trung Bình	Kế toán	
95	2253010043	Đỗ Thị Thu Hương	05/11/2004 15:33	Nữ	3.06	Khá	Kế toán	
96	2253010042	Văn Thị Như Lan	11/07/2004	Nữ	3.07	Khá	Kế toán	
97	2253010008	Nguyễn Thúy Liên	28/08/2002	Nữ	2.90	Khá	Kế toán	
98	2253010010	Trương Thùy Linh	05/05/2004	Nữ	2.89	Khá	Kế toán	
99	2253010011	Đoàn Thị Khánh Ly	11/03/2004	Nữ	2.68	Khá	Kế toán	
100	2253010035	Nguyễn Thị Khánh Ly	09/03/1999	Nữ	3.05	Khá	Kế toán	
101	2253010012	Nguyễn Thị Ngọc Mai	15/03/2004	Nữ	2.81	Khá	Kế toán	
102	2253010036	Trần Đức Mạnh	13/02/2004	Nam	2.42	Trung Bình	Kế toán	
103	2253010013	Lâm Kiều Oanh	05/01/2004	Nữ	2.98	Khá	Kế toán	
104	2253010014	Phùng Hiếu Phương	30/04/2004	Nữ	2.93	Khá	Kế toán	
105	2253010015	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	11/12/2001	Nữ	2.96	Khá	Kế toán	
106	2255010001	Nông Xuân Chiến	15/11/2004	Nam	2.80	Khá	Quản lý đất đai	
107	2253420002	Nguyễn Văn Bình	11/08/2004	Nam	3.05	Khá	Quản lý văn hóa	
108	2253420005	Cư Văn Khánh	17/05/2003	Nam	3.24	Giỏi	Quản lý văn hóa	
109	2253420001	Nguyễn Diệu Linh	31/01/2004	Nữ	3.25	Giỏi	Quản lý văn hóa	
110	2251030003	Nông Thị Thùy Giang	06/03/2004	Nữ	2.95	Khá	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
111	2251030004	Trần Cao Khải	31/05/2004	Nam	2.51	Khá	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
112	2251030008	Hòa Thị Thu Viễn	07/12/2003	Nữ	3.05	Khá	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
113	2257200001	Nguyễn Thị Thúy Anh	17/10/2004	Nữ	2.33	Trung Bình	Điều dưỡng	
114	2257200003	Đinh Ngọc Anh Băng	16/07/2004	Nam	2.53	Khá	Điều dưỡng	
115	2257200005	PHONESOUK DUANGPHACHAN	01/06/2004 15:38	Nữ	2.85	Khá	Điều dưỡng	
116	2257200039	Nguyễn Thị Bích Duyệt	05/10/2004	Nữ	3.09	Khá	Điều dưỡng	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
117	2257200007	Phạm Thanh Đức	02/05/2004	Nam	2.63	Khá	Điều dưỡng	
118	2257200041	Châu Trung Hải	10/05/2004	Nam	2.96	Khá	Điều dưỡng	
119	2257200009	Nguyễn Đức Hải	20/08/2004	Nam	2.58	Khá	Điều dưỡng	
120	2257200010	Nguyễn Thúy Hằng	21/09/2004	Nữ	2.86	Khá	Điều dưỡng	
121	2257200011	Lò Văn Hiếu	04/06/2003	Nam	2.78	Khá	Điều dưỡng	
122	2257200015	Đoàn Mai Hương	09/11/2004	Nữ	2.97	Khá	Điều dưỡng	
123	2257200016	Nguyễn Thị Mai Hương	13/09/2004	Nữ	2.99	Khá	Điều dưỡng	
124	2257200046	Sùng Thị La	20/07/2003	Nữ	2.93	Khá	Điều dưỡng	
125	2257200021	Hoàng Lưu Ly	13/02/2004	Nữ	2.81	Khá	Điều dưỡng	
126	2257200024	Nông Minh Nguyệt	22/03/2004	Nữ	2.55	Khá	Điều dưỡng	
127	2257200028	Lộc Thị Lệ Thanh	13/10/2004	Nữ	2.54	Khá	Điều dưỡng	
128	2257200029	Hà Minh Thành	04/07/2004	Nam	2.53	Khá	Điều dưỡng	
129	2257200053	Nguyễn Phương Thảo	14/02/2004	Nữ	2.56	Khá	Điều dưỡng	
130	2257200057	Nguyễn Thị Thảo	05/08/2004	Nữ	2.52	Khá	Điều dưỡng	
131	2257200054	Nguyễn Huyền Trang	20/05/2004	Nữ	2.70	Khá	Điều dưỡng	
132	2257200034	Trần Thị Thu Trà	14/07/2003	Nữ	2.95	Khá	Điều dưỡng	
133	2257200035	Phạm Minh Tuấn	14/12/2004	Nam	2.28	Trung Bình	Điều dưỡng	

(Ấn định danh sách này là 133 người)